

Số: 187 /QĐ-SKHCN

Đồng Nai, ngày 18 tháng 8 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn triển khai thực hiện quản lý dự án đầu tư chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công**

### GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ về quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước*

*Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/09/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về phát triển thử nghiệm trong chuyển đổi số và quản lý chất lượng các hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của UBND thành phố về việc Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, chi phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch; thuê hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn triển khai thực hiện quản lý dự án đầu tư chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Chuyển đổi số có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác quản lý dự án đầu tư chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công theo đúng trình tự, thủ tục và bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Trường hợp các quy định dẫn chiếu tại Hướng dẫn kèm theo Quyết định này này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng Phòng Chuyển đổi số, Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC, CDS (Hưng).

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Văn Trinh**

## HƯỚNG DẪN

### Quản lý dự án đầu tư chuyên đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 187 /QĐ-SKHCN ngày 18/ 8 /2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

| TT                                                                                                         | Nội dung                                                                                           | Quy trình thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thẩm quyền quyết định, thực hiện                         | Điều kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>PHẦN I. TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CHI PHÍ CHUẨN BỊ DỰ ÁN, DỰ TOÁN NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b> |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                         |
| 1                                                                                                          | <b>Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chi phí chuẩn bị dự án, dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư</b> | Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được phân cấp cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ quy hoạch, dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư ( <b>Điểm d Điều 44 Luật đầu tư công hợp nhất</b> ) | Các Sở ban ngành cấp tỉnh; Phòng Chuyên môn UBND cấp xã  | <p>- Chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công, chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác và thực hiện quyết toán trong giá trị tổng mức đầu tư của dự án (<b>Khoản 2 Điều 16 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất</b>).</p> <p>- <b>Khoản 20 Điều 4 Luật đầu tư công 2024</b> hợp nhất, quy định: Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư là hoạt động để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án</p>                                                | Điều 4, Điều 16, Điều 44 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất |
| <b>PHẦN II. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>                                                                  |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                         |
| <b>Mục I. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư</b>                                                 |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                         |
| 1                                                                                                          | <b>Lập chủ trương đầu tư</b>                                                                       | <p>- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án (<b>Khoản 1, khoản 2 Điều 28 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất</b>)</p> <p>- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C; trong</p>                                                                     | Đơn vị đề xuất Dự án triển khai thực hiện; Đơn vị tư vấn | <p>Đối với Dự án nhóm A lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án; Đối với Dự án Nhóm B, C lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;</p> <p>- Dự án Nhóm B: Dự án thuộc lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, môi trường, công nghệ số có tổng mức đầu tư từ 90 tỷ đồng đến dưới 1.600 tỷ đồng theo quy định tại <b>khoản 4, Điều 10 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất</b></p> <p>- Dự án nhóm C: Dự án thuộc lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, môi trường, công nghệ số có tổng mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng theo quy</p> | - Điều 8, 9, 10, 11, 18, 25, 28 Luật đầu tư công 2024   |

|   |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                    |
|---|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|   |                                                  | đó Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi, tính hiệu quả, dự kiến nguồn vốn và mức vốn của chương trình đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C làm cơ sở để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư ( <b>Khoản 1 Điều 4 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất</b> ) |                                                          | định tại <b>khoản 4, Điều 11 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                    |
| 2 | <b>Thẩm định Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư</b> | Chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (Khoản 20 Điều 4 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất), được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công, chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác và thực hiện quyết toán trong giá trị tổng mức đầu tư của dự án ( <b>Khoản 2 Điều 16 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất</b> )          | Sở Tài chính; Phòng Chuyên môn do UBND xã giao thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với Dự án đầu tư công cấp tỉnh <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị đề xuất nhiệm vụ gửi Hồ sơ đề xuất quyết định chủ trương đầu tư dự án đến Sở Tài chính để thẩm định</li> <li>- Tiếp thu, tham mưu hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tài chính</li> </ul> </li> <li>* Đối với Dự án đầu tư công cấp xã <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Chuyên môn do Chủ tịch UBND cấp xã giao thực hiện thẩm định Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư</li> </ul> </li> </ul>  | Khoản 1 Điều 28 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất     |
| 3 | <b>Quyết định chủ trương đầu tư</b>              | UBND cấp thành phố và UBND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư các Dự án nhóm B, nhóm C theo quy định tại khoản 7, khoản 9 Điều 18 Luật đầu tư công về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình Dự án.                                                                                                                          | UBND cấp thành phố, UBND cấp xã                          | <p>Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương</p> <p>Thẩm quyền quyết định chủ trương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đối với UBND cấp thành phố <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý</li> <li>- Dự án nhóm B, nhóm C thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản theo quyết định</li> </ul> </li> </ul> | khoản 7, khoản 9 Điều 18 Luật đầu tư công hợp nhất |

|                                                               |                                                        |                                                                                                                                                                           |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                           |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                                                               |                                                        |                                                                                                                                                                           |                                        | <p>của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước sau khi thống nhất với Bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án</p> <p>(Khoản 7 Điều 18 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất)</p> <p>* Đối với UBND cấp xã</p> <p>+ Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý</p> <p>+ Dự án nhóm B, nhóm C thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp quyết định chủ trương đầu tư</p> <p><b>(Khoản 9 điều 18 Luật đầu tư công 2024 hợp nhất)</b></p> |                                           |
| 4                                                             | <p><b>Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn</b></p> | <p>Căn cứ quyết định chủ trương đầu tư UBND các cấp trình HĐND các cấp phê duyệt giao kế hoạch đầu tư công trung hạn (hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn)</p> | <p>HĐND cấp thành phố, HĐND cấp xã</p> | <p>* Đối với các Dự án đầu tư công cấp thành phố</p> <p>UBND thành phố trình HĐND cấp thành phố phê duyệt</p> <p>* Đối với các Dự án đầu tư công cấp xã</p> <p>UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp phê duyệt</p> <p>- Điểm a, điểm b khoản 10 Điều 43 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Điều 43 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP</p> |
| <p><b>Mục II. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án</b></p> |                                                        |                                                                                                                                                                           |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                           |
| 1                                                             | <p><b>Lập báo</b></p>                                  | <p>Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ</p>                                                                                                                                        | <p>Chủ đầu tư;</p>                     | <p>Đơn vị được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>- Điều 43, 44</p>                      |

|   |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                        |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                        |
|---|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|   | <b>cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật</b>              | chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tự thực hiện hoặc thuê tổ chức cá nhân khảo sát (nếu thực hiện khảo sát), lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật ( <b>Điểm a khoản 2 Điều 44 Luật đầu tư công hợp nhất</b> ) | Đơn vị tư vấn                    | <p>trương đầu tư dự án tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (<b>Khoản 1, Điều 43 Nghị định 224/2026/NĐ-CP</b>).</p> <p>Thiết kế 01 bước được áp dụng đối với các dự án sau đây:</p> <p>a) Dự án có tổng mức đầu tư không quá 20 tỷ đồng;</p> <p>b) Dự án không thuộc điểm a khoản này nếu chủ đầu tư xét thấy có thể thiết kế 01 bước thì báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép thực hiện thiết kế 01 bước (<b>Khoản 1, khoản 2 Điều 42 Nghị định 224/2026/NĐ-CP</b>).</p> <p>- Báo cáo nghiên cứu khả thi được lập trong trường hợp thiết kế 01 bước được gọi là báo cáo kinh tế - kỹ thuật (<b>khoản 1 Điều 42 Nghị định 224/2026/NĐ-CP</b>).</p> <p>- Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư (điểm a khoản 2 Điều 43 Luật đầu tư công hợp nhất).</p> <p>- Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 224/2026/NĐ-CP.</p> | Luật đầu tư công hợp nhất<br>- Điều 42, 43<br>Nghị định 224/2026/NĐ-CP |
| 2 | <b>Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật</b> | Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật                                                                                                                                                                          | <b>Chủ đầu tư; Đơn vị tư vấn</b> | <p>- Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tự thực hiện hoặc thuê tổ chức cá nhân khảo sát (nếu thực hiện khảo sát), lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Khoản 3 Điều 44 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP)</p> <p>- Chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân để thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Nội dung thẩm tra gồm một phần hoặc toàn bộ nội dung thẩm định dự án. Đối với dự án quan trọng quốc gia, việc thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định của pháp luật về dự án quan trọng quốc gia (Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Điều 44 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP                                    |

|   |                                                                                  |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                     |
|---|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 3 | <b>Thành lập Hội đồng thẩm định Dự án hoặc giao cơ quan chuyên môn thẩm định</b> | Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định Dự án hoặc giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định dự án ( <b>Điểm b khoản 2 Điều 43 Luật đầu tư công hợp nhất</b> ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch UBND cấp thành phố</li> <li>- Chủ tịch UBND cấp xã</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định dự án (<b>điểm b khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công</b>)</li> <li>- Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật Đầu tư công (<b>điểm c khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công</b>)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Điều 43, 44 của Luật Đầu tư công    |
| 4 | <b>Thành lập hội đồng thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết Dự án</b>      | Chủ tịch UBND thành phố thành lập Hội đồng thẩm định                                                                                                                                 | Chủ tịch UBND thành phố                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định thiết kế hoặc giao đơn vị chuyên môn về chuyển đổi số thuộc cấp mình thực hiện thẩm định hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đơn vị chuyên môn về chuyển đổi số của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm định thiết kế của các dự án tại địa phương.</li> <li>- Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định dự án, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định việc Hội đồng thẩm định dự án thực hiện luôn trách nhiệm thẩm định thiết kế;</li> <li>- Trong trường hợp đơn vị thẩm định thiết kế đồng thời là chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư thì đơn vị thẩm định thiết kế thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định hoặc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp đơn vị chuyên môn về chuyển đổi số của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm định thiết kế của các dự án tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản này) giao cho đơn vị chuyên môn khác thẩm định thiết kế.</li> </ul> <p><b>(Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP)</b></p> | Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP |
| 5 | <b>Lấy ý kiến thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết Dự án</b>                        | Hội đồng thẩm định Dự án hoặc cơ quan chuyên môn được giao thẩm định dự án tổ chức thẩm định Dự án                                                                                   | Đầu mối thẩm định                                                                                               | Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn thẩm định dự án theo quy định tại <b>điểm c khoản 2 Điều 43 của Luật Đầu tư công</b> (sau đây gọi là đầu mối thẩm định dự án) kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thẩm định. Hồ sơ thẩm định được gửi bằng hình thức điện tử, trừ hồ sơ, tài liệu chứa bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP |

|   |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                |
|---|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                 | <p>- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc, đầu mỗi thẩm định dự án phải gửi lấy ý kiến đơn vị có thẩm quyền quy định <b>tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b> thẩm định thiết kế cơ sở (đối với dự án thiết kế 02 bước), thiết kế chi tiết (đối với dự án thiết kế 01 bước) theo nội dung quy định tại <b>điểm d khoản 4 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b> đối với dự án đầu tư hệ thống chuyển đổi số; thẩm định sự phù hợp của nội dung theo quy định tại <b>điểm đ khoản 4 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b> đối với dự án mua sắm chuyển đổi số; thẩm định sự phù hợp của nội dung theo quy định tại <b>điểm e khoản 4 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b> đối với dự án thuê dịch vụ công nghệ số; lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (<b>điểm a khoản 2 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b>)</p> <p>- Đầu mỗi thẩm định dự án có trách nhiệm thẩm định các nội dung quy định tại <b>điểm a, b, c, g khoản 4 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b>, không bao gồm các nội dung thuyết minh của báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc quy định tại <b>điểm d, đ, e khoản 4 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b>; tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế, ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có) và xây dựng báo cáo thẩm định dự án (<b>điểm b khoản 2 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b>)</p> |                                                                                |
| 6 | <b>Báo cáo kết quả thẩm định</b> | Hội đồng thẩm định Dự án hoặc cơ quan chuyên môn được giao thẩm định dự án tổ chức thẩm định Dự án                                                                                                                                                                     | Đầu mỗi thẩm định               | Tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế, ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có) và xây dựng báo cáo thẩm định dự án ( <b>khoản 6 Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                |
| 7 | <b>Quyết định đầu tư dự án</b>   | <p>Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án:</p> <p>a) Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định;</p> <p>b) Quyết định chủ trương đầu</p> | UBND cấp thành phố, UBND cấp xã | <p>Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đầu tư (<b>điểm d khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công</b>).</p> <p>* Đối với UBND cấp thành phố</p> <p>- <b>Điểm c khoản 3 Điều 38 Luật đầu tư công hợp nhất:</b> Dự án nhóm B, nhóm C đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;</p> <p>* Đối với UBND cấp xã</p> <p>- <b>Khoản 4 Điều 38 Luật đầu tư công hợp nhất:</b> Chủ tịch Ủy ban nhân dân</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>Điều 38, 89 Luật Đầu tư công</p> <p>Điều 50 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP</p> |

|   |                                                |                                                                                                                                                                      |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                      |
|---|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|   |                                                | tư dự án;<br>c) Báo cáo thẩm định dự án;<br>d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).                                                                              |                                 | cấp xã quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp xã quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                      |
| 8 | <b>Phê duyệt kế hoạch đầu tư công hàng năm</b> | Căn cứ quyết định đầu tư dự án UBND các cấp trình HĐND các cấp phê duyệt giao kế hoạch đầu tư công hàng năm (hoặc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công hàng năm) | HĐND cấp thành phố, HĐND cấp xã | <p>* Đối với các Dự án đầu tư công cấp thành phố<br/>UBND thành phố trình HĐND cấp thành phố phê duyệt</p> <p>* Đối với các Dự án đầu tư công cấp xã<br/>UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp phê duyệt</p> <p>- Chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án đầu tư công khẩn cấp, dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại.</p> <p>- Chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật (<b>khoản 2 Điều 56 Luật đầu tư công 2024 (được sửa đổi bổ sung)</b>)</p> | Điều 56 Luật đầu tư công 2024 (được sửa đổi bổ sung) |

### PHẦN III. GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ DỰ ÁN

|   |                                                       |                                                                                                                           |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                     |
|---|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | <b>Đối với dự án đầu tư hệ thống và dự án mua sắm</b> | Chủ đầu tư triển khai các nội dung công việc thực hiện đầu tư Dự án theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP | Chủ đầu tư; đơn vị tư vấn; Nhà thầu | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện các hợp đồng;</li> <li>2. Quản lý dự án;</li> <li>3. Công tác triển khai;</li> <li>4. Giám sát công tác triển khai;</li> <li>5. Kiểm thử;</li> <li>6. Vận hành thử;</li> <li>7. Đào tạo hướng dẫn sử dụng;</li> <li>8. Nghiệm thu, bàn giao;</li> <li>9. Lập hồ sơ hoàn thành</li> </ol> | Điều 55 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP |
|---|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|

|   |                                                       |                                                                                                                                                      |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                     |
|---|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|   |                                                       |                                                                                                                                                      |                                           | <b>(Điểm b Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                     |
| 2 | <b>Đối với dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin</b> | Chủ đầu tư triển khai các nội dung công việc thực hiện đối với dự án thuê dịch vụ công nghệ số theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP | Chủ đầu tư;<br>đơn vị tư vấn;<br>Nhà thầu | 1. Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện các hợp đồng;<br>2. Vận hành thử;<br>3. Đào tạo hướng dẫn sử dụng<br>4. Nghiệm thu, cung cấp dịch vụ công nghệ số<br>5. Giám sát chất lượng dịch vụ công nghệ số<br>6. Nghiệm thu, bàn giao;<br>7. Lập hồ sơ hoàn thành<br><b>(Điểm b Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP)</b> | Điều 56 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP |

#### PHẦN IV. GIAI ĐOẠN KẾT THÚC ĐẦU TƯ

|   |                                                                                     |                                                                                                                          |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | <b>Bảo hành sản phẩm của dự án (đối với dự án đầu tư hệ thống và dự án mua sắm)</b> | Chủ đầu tư triển khai các nội dung công việc kết thúc đầu tư Dự án theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP | Chủ đầu tư;<br>Nhà thầu | Thời hạn tối thiểu bảo hành sản phẩm của dự án được tính từ ngày chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án vào sử dụng và được quy định như sau:<br><br>a) Bảo hành 24 tháng đối với sản phẩm của dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A;<br><br>b) Bảo hành 12 tháng đối với sản phẩm của dự án nhóm B, nhóm C;<br><br>c) Thời hạn bảo hành quy định tại điểm a, b khoản này là nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp sản phẩm của dự án và độc lập với thời gian bảo hành đối với từng trang thiết bị công nghệ số của nhà sản xuất, nhà cung cấp, thời gian gia hạn bảo hành của từng trang thiết bị công nghệ số đó (bảo hành mở rộng, nếu có). Thời gian bảo hành đối với từng trang thiết bị công nghệ số theo quy định, chính sách của nhà sản xuất, nhà cung cấp.<br><br>2. Mức tiền bảo hành tối thiểu được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giá trị sản phẩm của dự án và được quy định như sau: | Điều 59 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|

|   |                                                       |                                                                                                                           |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                     |
|---|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|   |                                                       |                                                                                                                           |                         | <p>a) Đối với sản phẩm có thời hạn bảo hành 24 tháng là 03%;</p> <p>b) Đối với sản phẩm có thời hạn bảo hành 12 tháng là 05%.</p> <p>Nhà thầu có trách nhiệm nộp thư bảo lãnh của ngân hàng có giá trị tương đương cho chủ đầu tư hoặc các hình thức bảo lãnh khác được chủ đầu tư chấp nhận.</p> <p>Nhà thầu chỉ được hoàn trả bảo lãnh sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.</p>                                                                                                                                                                                                                 |                                     |
| 2 | <b>Chi phí quản trị, vận hành và bảo trì hệ thống</b> | Sản phẩm của dự án phải được quản trị, vận hành, bảo trì thường xuyên và liên tục ngay sau khi bàn giao, đưa vào sử dụng. | Chủ đầu tư;<br>Nhà thầu | <p>Quản trị, vận hành và bảo trì các hệ thống là sản phẩm của dự án đầu tư hệ thống chuyển đổi số là nhiệm vụ đặc thù và được bảo đảm từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số</p> <p>a) Tổ chức thực hiện quản trị, vận hành và bảo trì sản phẩm của dự án. Cơ quan, tổ chức được tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân (gọi chung là nhà cung cấp dịch vụ) thực hiện quản trị, vận hành, bảo trì;</p> <p>b) Dự toán chi phí quản trị, vận hành và bảo trì trong trường hợp thuê nhà cung cấp dịch vụ được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp dịch vụ.</p>                                                        | Điều 60 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP |
| 3 | <b>Quyết toán vốn đầu tư và phê duyệt quyết toán</b>  | Quyết toán vốn đầu tư và phê duyệt quyết toán                                                                             | Chủ đầu tư;<br>Nhà thầu | Theo quy định Luật đầu tư công, Luật ngân sách và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                     |
| 4 | <b>Cung cấp thông tin</b>                             | Cung cấp thông tin phục vụ quản lý đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước   | Chủ đầu tư              | <p>Cung cấp thông tin hoàn thành dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số:</p> <p>a) Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án đầu tư, nhiệm vụ mua sắm vào khai thác, sử dụng hoặc kể từ ngày đưa dịch vụ công nghệ số vào cung cấp, sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin hoàn thành dự án cho cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư và đơn vị chuyên môn về chuyển đổi số thuộc bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>b) Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông tin do chủ đầu tư cung cấp, đơn vị chuyên môn về chuyển đổi số thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan</p> | Điều 68 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                          |  |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin của từng dự án, nhiệm vụ đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ trong phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, địa phương cho Bộ Khoa học và Công nghệ. |  |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|